**TUẦN 29**

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập về dấu gạch ngang,** **dấu hai chấm**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực đặc thù.**

- Ôn luyện về dấu hai chấm (đánh dấu phần giải thích, liệt kê sự việc…), dấu gạch ngang (đánh dấu lời nói trực tiếp…).

-Phát triển năng lực văn học

+ Viết đoạn văn có dùng dấu 2 chấm để liệt kê sự việc.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia trả lời trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Biết yêu quý bạn bè.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ học bài, trả lời câu hỏi.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- Bài giảng Power point.

- Phiếu học tập bài 2

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1.Khởi động:**  - Hãy cho biết dấu hai chấm có tác dụng gì?  - Dấu hai chấm thường phối hợp với những dấu khác khi nào?  - Dấu gạch ngang có tác dụng gì?  *GV chốt: - Dấu hai chấm dùng để báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời của nhân vật hay là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.*  *-Dấu gạch ngang được dùng trong đầu mục liệt kê,đánh dấu phần chú thích, đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.*  **2. Luyện tập:**  **Bài 1:** Cho đoạn văn sau:  Dì Hai vừa đi chợ về. Dì mua cho chị em Cúc một rổ hoa quả thơm ngon. Đó là táo, ổi, nhãn và dưa hấu. Chị em Cúc thích lắm. Liền khoanh tay lại cảm ơn dì “Chúng cháu cảm ơn dì ạ!”. Dì Hai cười hiền từ, xoa đầu khen chị em Cúc thật ngoan.  Em hãy điền dấu hai chấm thích hợp trong đoạn văn trên.  -GV cho HS đọc yêu cầu của đề bài.  - Xác định YC  - Cho HS thảo luận nhóm đôi.  - Đại diện các nhóm báo cáo.  - GV nhận xét, chốt đáp án đúng.  Dấu hai chấm trong đoạn văn trên có tác dụng gì?  - *GV chốt:Dấu hai chấm dùng để liệt kê sự vật*  *- Dấu hai chấm còn để dẫn lời nói trực tiếp của nhân vật*  **Bài 2**: ( Phiếu học tập) Nêu tác dụng của dấu gạch ngang sau:  a. Tôi mở to mắt ngạc nhiên - trước mặt tôi là bé Nga con dì Hoa ở Thành phố Hồ Chí Minh.  b) Hùng phát biểu khi đã được cô cho phép:  - Thưa cô, chúng em sẽ tự góp tiền tiết kiệm để giúp bạn Lan.  \* Yêu cầu HS giải thích cách làm và sửa lại cho đúng.  -> GV chốt về cách dùng (tác dụng ) của dấu gạch ngang.  *-Dấu gạch ngang đặt giữa câu để chỉ ranh giới của thành phần chú thích trong câu.*  *-Dấu gạch ngang đặt đầu câu để đánh dấu những lời đối thoại, lời nói trực tiếp của nhân vật.*  **Bài 3.**Viết đoạn văn( 4-5 câu) có dùng dấu 2 chấm để liệt kê sự việc.  - GV cho HS xác định yêu cầu.  - Hướng dẫn HS làm bài vào vở.  - Cho HS chia sẻ trong nhóm đôi.  - GV nhận xét, tuyên dương.  ***Chốt:****Dấu hai chấm có tác dụng để liệt kê sự vật, sự việc.*  **3. Vận dụng:**  - Gọi HS nêu lại tác dụng của dấu hai chấm?  -Nêu tác dụng của dấu gạch ngang?  + GV nhận xét tiết học, nhắc HS về nhà xem lại bài. | - HS trả lời.  - Dấu hai chấm dùng để báo hiệu bộ phận câu đứng sau nó là lời của nhân vật hay là lời giải thích cho bộ phận đứng trước.  - HS trả lời.  -Dấu gạch ngang được dùng trong đầu mục liệt kê,đánh dấu phần chú thích, đánh dấu lời nói trực tiếp của nhân vật.  - HS đọc yêu cầu của đề bài.  - 1 HS xác định yêu cầu của bài.  - Thảo luận nhóm đôi, đại diện các nhóm báo cáo trước lớp.  Dì Hai vừa đi chợ về. Dì mua cho chị em Cúc một rổ hoa quả thơm ngon**.**Đó là**:** táo, ổi, nhãn và dưa hấu. Chị em Cúc thích lắm. Liền khoanh tay lại cảm ơn dì**:** “Chúng cháu cảm ơn dì ạ!”. Dì Hai cười hiền từ, xoa đầu khen chị em Cúc thật ngoan**.**  - Tác dụng của các dấu hai chấm đã điền là:  - Dấu hai chấm thứ nhất: liệt kê các loại quả dì Hai đã mua  - Dấu hai chấm thứ hai: biểu thị lời dẫn của nhân vật chị em Cúc.  - 1 HS nêu yêu cầu của đề bài.  - HS làm vào phiếu học tập.  - HS lên bảng chữa bài.  a,Dấu gạch ngang đặt giữa câu để chỉ ranh giới của thành phần chú thích trong câu.  b,Dấu gạch ngang đặt đầu câu để đánh dấu những lời đối thoại, lời nói trực tiếp của nhân vật.  - HS đọc yêu cầu của bài.  - Xác định yêu cầu.  - HS làm bài vào vở.  - Chia sẻ trong nhóm đôi.  - HS trình bày trước lớp.  - HS khác nhận xét.  VD:  Chiều nay, cả nhà em sẽ về quê thăm ông bà. Hành lí mang theo phải soạn từ buổi sáng. Vali nhỏ của em sẽ để các món đồ cá nhân của riêng em, gồm: ba bộ áo quần, bàn chải đánh răng, hộp kẹo, vài quyển truyện tranh. Soạn xong, em phấn khởi ra phòng khách chờ bố mẹ cùng xuất phát.  - HS nêu.  - HS khác nhận xét. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập về câu khiến, so sánh**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT**

**1. Năng lực**

- Củng cố về câu khiến, chuyển câu kể thành câu khiến, biết hình ảnh so sánh trong các câu thơ, văn. Tìm được những từ chỉ sự vật so sánh trong những câu đó. Biết sử dụng dấu câu.

- Tìm được những câu thơ, thành ngữ có hình ảnh so sánh, sử dụng đúng dấu chấm

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, đọc bài và trả lời các câu hỏi phù hợp.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: tham gia trò chơi, vận dụng.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: tham gia trong nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất yêu nước: Biết tự hào về quê hương đất nước, yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY -HỌC**

- GV: Bài giảng powerpoint

**III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động**  - GV cho 1HS lên điều hành các câu hỏi sau:  - Thế nào là câu khiến?  - Đặt câu khiến trong cặp cho nhau nghe.  - GV chốt lại kiến thức về câu khiến:  *+Những câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, nhờ vả,…người khác làm một việc gì đó gọi là câu khiến.*  *+ Cuối câu khiến có dấu chấm than (!)*  - Mỗi hình ảnh so sánh thường gồm mấy sự vật?  - Hai sự vật so sánh được nối với nhau bởi cái gì?  - HS đặt câu có sử dụng hình ảnh so sánh.  *- GV chốt: Mỗi hình ảnh so sánh thường gồm hai sự vật, chúng được nối với nhau bởi từ chỉ so sánh.* | - HS trả lời:  Những câu dùng để nêu yêu cầu, đề nghị, nhờ vả,…người khác làm một việc gì đó gọi là câu khiến.  - HS nói cho nhau nghe theo cặp đôi.  - Mỗi hình ảnh so sánh thường gồm hai sự vật.  - Hai sự vật so sánh được nối với nhau bởi từ chỉ sự so sánh.  - HS đặt câu.  - Ghi nhớ. |
| **2. Luyện tập** |  |
| **Bài 1:** Chuyển mỗi câu kể sau thành câu khiến:  a) Lan ra ngoài.  b) Ngân học bài.  c) Kiên giữ quần áo sạch sẽ.  - GV cho HS đọc yêu cầu, xác định yêu cầu của bài.  - GV yêu cầu HS làm bài vào vở, sau đó chia sẻ trong cặp đôi cách chuyển câu kể thành câu khiến.  - GV yêu cầu HS đọc câu đã chuyển.  - GV nhận xét, chốt câu đúng.  *=> Chốt: Khi chuyển câu kể thành câu khiến ta thêm các từ nêu yêu cầu đề nghị, cuối câu có dấu chấm than hoặc dấu chấm.*  **Bài 2:** GV chiếu bài tập:  Tìm các hình ảnh so sánh trong các câu sau:  a. Mẹ già như chuối chín cây  Gió lay mẹ rụng con phải mồ côi.  b. Tiếng suối trong như tiếng hát xa  Trăng lồng cổ thụ bóng lồng hoa  c. Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào.  - GV cho HS đọc đề bài.  - Cho HS làm bài vào vở.  GV nhận xét, chữa bài.  *-> Chốt: So sánh gồm 2 sự vật tương đồng nhau và có từ so sánh.*  **Bài 3:** Đặt câu chứa hình hình ảnh so sánh để tả:   1. Mái tóc của bà em 2. Bàn tay của mẹ 3. Cô giáo chủ nhiệm 4. Bộ lông của chú mèo   - Mời HS đọc yêu cầu.  - Yêu cầu HS suy nghĩ, làm bài vào vở.  - Mời HS đọc câu chứa hình ảnh so sánh vừa tìm được.  - Nhận xét, tuyên dương.  *-*  *> Chốt: Khi đặt câu có hình ảnh* ***so sánh để đối chiếu sự vật, sự việc này với sự vật, sự việc khác có nét tương đồng để tăng sức gợi hình, gợi cảm cho câu văn hay hơn.***  **3. Vận dụng**:  - Nói cho nhau nghe một câu khiến, một câu có hình ảnh so sánh.  - GV nhận xét.  - Nhận xét tiết học, tuyên dương HS.  - Dặn HS chuẩn bị bài sau. | - HS đọc yêu cầu  -1 HS xác định yêu cầu của bài.  - HS làm bài vào vở.  - 1HS lên bảng chữa bài.  a) Lan hãy ra ngoài đi!  b) Ngân phải học bài thôi.  c) Kiên hãy giữ quần áo sạch sẽ!  - HS đọc lại.  - Ghi nhớ.  - HS đọc đề  - HS làm vào vở.  - 1 HS lên bảng chữa bài.  Đáp án:  a. Mẹ già như chuối chín cây  b. Tiếng suối trong như tiếng hát xa  c. Lòng mẹ bao la như biển Thái Bình dạt dào. Tình mẹ tha thiết như dòng suối hiền ngọt ngào.  HS đọc đề và tự làm bài vào vở.  - 1HS lên bảng làm bài.  -HS dưới lớp chia sẻ theo cặp đôi.  a)Mái tóc của bà em trắng như cước.  b)Niềm tin trong con tựa như bàn tay của mẹ.  c)Cô giáo chủ nhiệm lớp em hiền như cô Tấm.  c)Bộ lông của chú mèo mượt như nhung.  - Lắng nghe.  - HS nêu.  - HS nói cho nhau nghe theo cặp đôi.  - Đại diện các nhóm trình bày.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_

Tiếng Việt (tăng)

**Luyện tập: Viết về người chiến sĩ**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Phát triển năng lực ngôn ngữ: HS biết viết một đoạn văn hoặc bài thơ ngắn (kết hợp vẽ hoặc cắt dán) về người chiến sĩ. Chữ viết rõ ràng, mắc ít lỗi chính tả, ngữ pháp.

- Phát triển năng lực văn học: Biết chọn một số thông tin nổi bật để viết; viết có cảm xúc.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: lắng nghe, luyện tập viết đúng, đẹp và hoàn thành.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Vận dụng vào viết đoạn văn theo yêu cầu.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết nhận xét, trao đổi về cách viết chính tả của bạn.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ luyện viết, rèn tính cẩn thận, óc thẩm mỹ khi viết chữ.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY- HỌC**

- Bài giảng Power point.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY -HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **1. Khởi động:**  - GV cho HS giới thiệu về tranh, ảnh mình sưu tầm được về người chiến sĩ.  - GV nhận xét về sự chuẩn bị của HS. | - HS giới thiệu trong cặp đôi.  - Đại diện các cặp giới thiệu trước lớp.  - HS lắng nghe. |
| **2.Luyện tập** | |
| **Đề bài: Viết một đoạn văn hoặc bài thơ về người chiến sĩ mà em được biết.**  - YC HS để lên bàn những gì đã chuẩn bị.  -GV nhắc HS: Các em có thể viết đoạn văn 6 đến 8 câu (cũng có thể viết nhiều hơn), hoặc viết một bài thơ ngắn.  -GV hướng dẫn, giúp đỡ HS yếu kém, khích lệ những HS viết bài tốt.  -YC HS giới thiệu bài của mình trong nhóm/tổ, sau đó trưng bày cho cả lớp đọc (kĩ thuật Phòng tranh).  -GV chiếu bài làm của một vài HS.  - GV mời HS nhận xét  – GV khen ngợi HS. Các sản phẩm của cả lớp được trưng bày suốt tuần. | - HS để lên bàn những gì đã chuẩn bị: sổ tay, giấy màu, bút màu, kéo, hồ dán, hoặc ảnh, tranh cắt dán, tranh HS tự vẽ (nếu có).  - HS viết bài. HS viết đoạn văn / bài thơ lên vở / giấy chuẩn bị sẵn.    - HS trình bày bài viết của mình trước lớp.  - Cả lớp bình chọn bài viết hay, cảm xúc, trang trí đẹp.  -Các HS khác nhận xét |
| **3. Vận dụng.**  **-**GV cho HS đọc đoạn văn tham khảo:  Anh Trường là người chiến sĩ hải quân, bảo vệ vùng biển Hoàng Sa của Tổ quốc. Anh là người lính cầm cây súng ra với biển khơi với quyết tâm và sự can trường. Bởi vì các anh không chỉ bảo vệ vùng biển mà còn mang trách nhiệm xây dựng cho hòn đảo của Tổ quốc được yên bình, ấm no. Sóng gió chỉ thổi bay được cát bụi chứ không thể thổi bớt được tình yêu quê hương tha thiết và sự vững vàng, niềm tin yêu mà các anh dành trọn cho đất nước. Khi chiến tranh qua đi, những người lính biển vẫn tiếp tục cầm chắc cây súng bảo vệ cho vùng hải đảo được bình yên.  + Cùng trao đổi nội dung đoạn văn với HS.  - Nhận xét tiết học, dặt dò bài về nhà. | - 2 HS đọc, lớp đọc thầm.  - Cùng trao đổi với về đoạn văn.  - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. |

**IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT DẠY**

…………………………………………………………………………………………….

**\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_**

\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_\_